

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 12
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 52/2025/DS-ST
Ngày: 12/9/2025
Vụ án: “*Tranh chấp Hợp đồng
vay tài sản*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 12 - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa : Ông **Phạm Minh Sơn**

Các Hội thẩm nhân dân: Bà **Nguyễn Thị Tuyết Hồng**

Bà **Vũ Thị Phương Hạnh**

- Thư ký phiên tòa: Bà **Phùng Nữ Lệ Chi** – Thư ký TAND Khu vực 12, Thành phố Hồ Chí Minh

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 12, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà **Võ Thị Như Điểm** – Kiểm sát viên.

Ngày 12/9/2025, tại Trụ sở Tòa án nhân dân Khu vực 12 - Thành phố Hồ Chí Minh, xét xử sơ thẩm công khai vụ án Dân sự thụ lý số 146/2025/TLST – DS ngày 16/5/2025, về “Tranh chấp Hợp đồng vay tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 82/2025/QĐXXST – DS ngày 19/8/2025; Quyết định hoãn phiên tòa số 65/2025/QĐST-DS ngày 29/8/2025; Quyết định thay đổi người tiến hành tố tụng số 50/2025/QĐ-TĐNTHTT ngày 10/9/2025, giữa:

- Nguyên đơn: Bà **Phan Thị Hồng N**, sinh năm 1975 (có mặt)

Địa chỉ: Số F Q, phường L, thành phố B, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu (Nay là phường L, thành phố Hồ Chí Minh)

- Bị đơn: Bà **Nguyễn Thị K**, sinh năm 1966 (vắng mặt)

Địa chỉ: Đường số B, tổ B, ấp B, xã H, thành phố B, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu (Nay là khu phố B H, phường T thành phố Hồ Chí Minh)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

[1] Nguyên đơn, bà **Phan Thị Hồng N** trình bày:

Ngày 18/2/2024, bà N cho bà K vay số tiền 170.000.000 đồng; C lập Giấy vay tiền. Hai bên thỏa thuận thời hạn trả tiền là 30 ngày, lãi suất cho vay là 1%/tháng.

Hết thời hạn 30 ngày, bà N có liên hệ với bà K yêu cầu trả nợ nhưng bà K không thực hiện. Sau đó nhiều lần bà N tìm gặp bà K để đòi nợ thì từ tháng 5/2024

đến tháng 10/2024, bà K có trả cho bà N số tiền 20.000.000đ tiền gốc (trả nhiều lần). Sau đó thì không trả nữa.

Tháng 5/2025, bà N khởi kiện bà K tại Tòa án nhân dân thành phố Bà Rịa (nay là Tòa án nhân dân Khu vực 12 – Thành phố Hồ Chí Minh), yêu cầu giải quyết những vấn đề sau:

- Buộc bà Nguyễn Thị K trả lại số tiền đã vay là 170.000.000 đồng
- Buộc bà Nguyễn Thị K trả tiền lãi tính đến ngày 18/5/2025 là 25.500.000 đồng.

Sau khi được Tòa án tổng đạt các văn bản tố tụng thì vào ngày 11/7/2025, bà K đã trả thêm cho bà N số tiền 3.000.000 đồng.

Như vậy, tính đến ngày 11/7/2025, bà K đã trả cho bà N 23.000.000 đồng tiền nợ gốc, và còn nợ số tiền 147.000.000 đồng.

Tại phiên tòa, bà N thay đổi yêu cầu khởi kiện như sau:

Buộc bà K trả cho bà N số tiền nợ gốc còn lại là 147.000.000 đồng và tiền lãi theo quy định, tính từ ngày 30/10/2024 cho đến ngày xét xử sơ thẩm.

[2] Bị đơn, bà Nguyễn Thị K đã được triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt nên không có ý kiến.

[3] Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Bà Rịa:

[3.1] Việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án:

- Về thẩm quyền thụ lý: Đã tuân thủ đúng quy định tại Điều 35, 39 BLTTDS;

- Về xác định tư cách những người tham gia tố tụng: Thực hiện đúng quy định tại Điều 68 Bộ luật tố tụng dân sự;

- Về xác minh, thu thập chứng cứ: Tòa đã tiến hành xác minh, thu thập chứng cứ về tiến hành lấy lời khai của đương sự, tiến hành hòa giải và các thủ tục khác theo đúng quy định Bộ luật tố tụng dân sự

- Về trình tự thụ lý: Tòa thụ lý đúng theo quy định tại Điều 195,196 Bộ luật tố tụng dân sự

- Về thời hạn chuẩn bị xét xử: Tòa án giải quyết đúng theo quy định tại Điều 203 Bộ luật tố tụng dân sự

- Việc tuân theo pháp luật của HĐXX và Thư ký tại phiên tòa: Đã tuân thủ đúng quy định của BLTTDS về xét xử sơ thẩm vụ án dân sự

- Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: Nguyên đơn đã tuân thủ đúng quy định và thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng; Bị đơn không thực hiện đúng quy định và thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng

[3.2] Về nội dung vụ án: Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Bà Rịa, cho rằng yêu cầu của phía nguyên đơn là hoàn toàn có cơ sở nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về Tố tụng:

Căn cứ theo yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, Hội đồng xét xử xác định quan hệ pháp luật là “*Tranh chấp Hợp đồng vay tài sản*”. Bị đơn, bà Nguyễn Thị K cư trú tại Tổ B, ấp B, xã H, thành phố B, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu (nay là khu phố B H, phường T, thành phố Hồ Chí Minh) nên căn cứ theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35 và khoản 3 Điều 36; khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự; Tòa án nhân dân thành phố Bà Rịa, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu (nay là Tòa án nhân dân Khu vực 12 - Thành phố Hồ Chí Minh) thụ lý, giải quyết là đúng thẩm quyền.

Bà Nguyễn Thị K đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vắng mặt không có lý do nên căn cứ theo quy định tại khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bà K.

[2] Về Nội dung:

[2.1] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, bà Phan Thị Hồng N, yêu cầu bà Nguyễn Thị K thanh toán số tiền nợ gốc là 147.000.000 đồng, thì thấy:

Qua xem xét lời khai của nguyên đơn, đối chiếu với chứng cứ là Giấy vay tiền ngày 18/2/2024 do nguyên đơn cung cấp thì thấy:

Tại Giấy vay tiền có ghi rõ thông tin người vay tiền là “Nguyễn Thị K, sinh năm 1966, cư ngụ tại Tổ B, ấp B, xã H”; số tiền vay là 170.000.000 đồng. Phía dưới Giấy vay tiền, có chữ ký của bà Nguyễn Thị K, ngoài ra có thêm dòng chữ “Đã nhận đủ số tiền trên”

Nội dung của Giấy vay tiền có nội dung ghi về thời hạn trả tiền là 15 ngày, nhưng không ghi lãi suất cho vay. Theo bà N trình bày thì hai bên thỏa thuận thời hạn vay là 30 ngày, lãi suất cho vay là 1%/tháng. Hết thời hạn 30 ngày, bà N nhiều lần yêu cầu bà K trả nợ, nhưng đến ngày 30/10/2024, bà K chỉ mới trả cho bà N số tiền gốc là 20.000.000 đồng và sau đó không trả thêm cho bà N khoản tiền nào.

Ngày 06/5/2025, bà N khởi kiện bà K tại Tòa án nhân dân thành phố Bà Rịa, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu (nay là Tòa án nhân dân Khu vực 12 – Thành phố Hồ Chí Minh), để yêu cầu bà K thực hiện nghĩa vụ trả nợ.

Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tổng đạt Thông báo thụ lý, các văn bản tố tụng để yêu cầu bà K đến Tòa làm việc nhưng bà K vắng mặt không có lý do. Theo bà N trình bày, ngày 11/7/2025, bà K có trả cho bà N số tiền 3.000.000 đồng.

Như vậy, đủ cơ sở để xác định việc vay mượn tiền giữa bà N và bà K là có thật và đúng như bà N trình bày. Bà K biết rõ việc Tòa án đang thụ lý giải quyết vụ kiện nhưng không đến Tòa làm việc, tuy nhiên vẫn thanh toán thêm cho bà N khoản tiền gốc là 3.000.000 đồng.

Nay bà N yêu cầu bà K phải thanh toán số tiền nợ gốc còn lại là 147.000.000 đồng là phù hợp với quy định tại Điều 463, 466 Bộ luật dân sự.

[2.2] Xét yêu cầu tính lãi của nguyên đơn bà Phan Thị Hồng N:

Hội đồng xét xử xét thấy, Giấy vay tiền ngày 28/2/2024 không có nội dung nào ghi nhận thỏa thuận về lãi suất cho vay. Như vậy, hợp đồng vay tiền giữa các bên được xác định là hợp đồng vay không có lãi suất. Bà K vi phạm nghĩa vụ trả nợ nên bà N yêu cầu tính lãi là có căn cứ chấp nhận.

Bà N yêu cầu tính lãi theo quy định. Thời điểm bắt đầu tính lãi là ngày trả nợ gốc cuối cùng vào ngày 30/10/2024 (nợ gốc còn lại là 150.000.000đ). Đến ngày 11/7/2025, bà K trả thêm cho bà N 3.000.000đ tiền gốc, số tiền nợ gốc còn lại là 147.000.000đ.

Tiền lãi được tính như sau:

Căn cứ quy định khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự thì lãi suất được xác định bằng 50% mức lãi suất giới hạn tại khoản 1 Điều 468, tức là 10%/năm tương đương 0,83%/tháng.

- Tiền lãi tính từ ngày 30/10/2024 đến ngày 10/7/2025, đối với số tiền nợ gốc 150.000.000đ là: $150.000.000 \text{ đồng} \times 0,83\%/\text{tháng} \times 08 \text{ tháng} 10 \text{ ngày} = 10.375.000 \text{ đồng}$

- Tiền lãi tính từ ngày 11/7/2025 đến ngày 12/9/2025, đối với số tiền nợ gốc 147.000.000đ là: $147.000.000 \text{ đồng} \times 0,83\%/\text{tháng} \times 02 \text{ tháng} 01 \text{ ngày} = 2.480.870 \text{ đồng}$ (làm tròn là 2.481.000 đồng)

Tổng cộng bà K phải thanh toán cho bà N số tiền là 159.856.000 đồng, trong đó: Nợ gốc là 147.000.000 đồng và nợ lãi là 12.856.000 đồng.

[3]. Án phí DSST: Vì toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà N được chấp nhận nên căn cứ điểm b khoản 1 Điều 24; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30 – 12 – 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, bà K phải chịu toàn bộ án phí đối với nghĩa vụ trả số tiền 159.856.000 đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ:

- Khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35 và khoản 3 Điều 36; khoản 1 Điều 39 BLTTDS; Các Điều 227; 228; 238; 235; 266; 271 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

- Điều 463; 466; 468 của Bộ luật dân sự

- Điểm b khoản 1 Điều 24; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30 – 12 – 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Chấp yêu cầu khởi kiện của bà Phan Thị Hồng N đối với bà Nguyễn Thị K về "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản"

Buộc bà Nguyễn Thị K có trách nhiệm thanh toán cho bà Phan Thị Hồng N số tiền 159.856.000 đồng (Một trăm sáu mươi triệu chín trăm bốn mươi chín ngàn tám trăm mười đồng), trong đó: Nợ gốc là 147.000.000 đồng và nợ lãi là 12.856.000 đồng

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải trả cho bên được thi hành án một khoản tiền lãi theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự tương ứng với thời gian chưa thi hành án.

2. Án phí dân sự sơ thẩm:

- Bà Nguyễn Thị K phải nộp 7.992.800đ (bảy triệu chín trăm chín mươi hai ngàn tám trăm đồng) án phí DSST.

- H lại cho bà Phan Thị Hồng N số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 4.875.000đ (Bốn triệu tám trăm bảy mươi lăm ngàn đồng) theo Biên lai thu tiền số 0001926 ngày 14/5/2025 của Chi cục Thi hành án Dân sự thành phố Bà Rịa, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu (nay là Phòng Thi hành án Dân sự Khu vực 12 - Thành phố Hồ Chí Minh)

3. Đương sự có mặt được quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 15 ngày tính từ ngày tuyên án (ngày 12/9/2025); Đối với người vắng mặt thì thời hạn kháng cáo là 15 ngày kể từ ngày nhận được Bản án hoặc ngày Bản án được niêm yết công khai để yêu cầu Tòa án nhân dân thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm.

Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án Dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án Dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án Dân sự.

Nơi nhận:

- TAND Tp Hồ Chí Minh;
- VKSND Khu vực 12;
- THADS Tp Hồ Chí Minh;
- Phòng THA DS Khu vực 12;
- Các đương sự;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phạm Minh Sơn